



Thực hành ESG và Báo cáo ESG

Giá trị lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp

Trương Vĩnh Khang
Head, Sustainability Portfolio
BSI Vietnam

(+84) 0 91 8430 450
Vinhkhang.truong@bsigroup.com





By Royal Charter



Viện Tiêu Chuẩn Anh - BSI Việt Nam

Tầng 15, Tòa nhà AP
518B Điện Biên Phủ, Phường 21, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
T: +84 (28) 3820 0066
F: +84 (28) 3820 0022

Tầng 12, Tòa nhà 148 Hoàng Quốc Việt,
Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy,
Thủ đô Hà Nội, Việt Nam.

Tầng 8, Tòa nhà Công viên phần mềm,
02 Quang Trung, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

info.vietnam@bsigroup.com
www.bsigroup.com



Nội dung

ESG kiến tạo nền kinh tế phát triển hướng tới tăng trưởng xanh, kinh doanh hiệu quả và bền vững, thể hiện được năng lực của các doanh nghiệp trong việc tạo ra những tác động tích cực đến môi trường, xã hội và quản trị trong nền kinh tế thể hiện qua các chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Và ESG là một xu thế tất yếu, cho chúng ta một khuôn khổ về Môi trường, Xã hội và Quản trị trong vận hành doanh nghiệp.

Phần 1

Tổng quan Phát triển bền vững và Chương trình Phát triển bền vững

Phần 2

Báo cáo phát triển bền vững
Khuôn khổ báo cáo phát triển bền vững

Phần 3

Thực hành ESG
Những xu hướng thực hành Xã hội trong phát triển bền vững



BSI Việt Nam



1901 – British Standard Institution BSI – Viện Tiêu chuẩn Vương quốc Anh



By Royal Charter

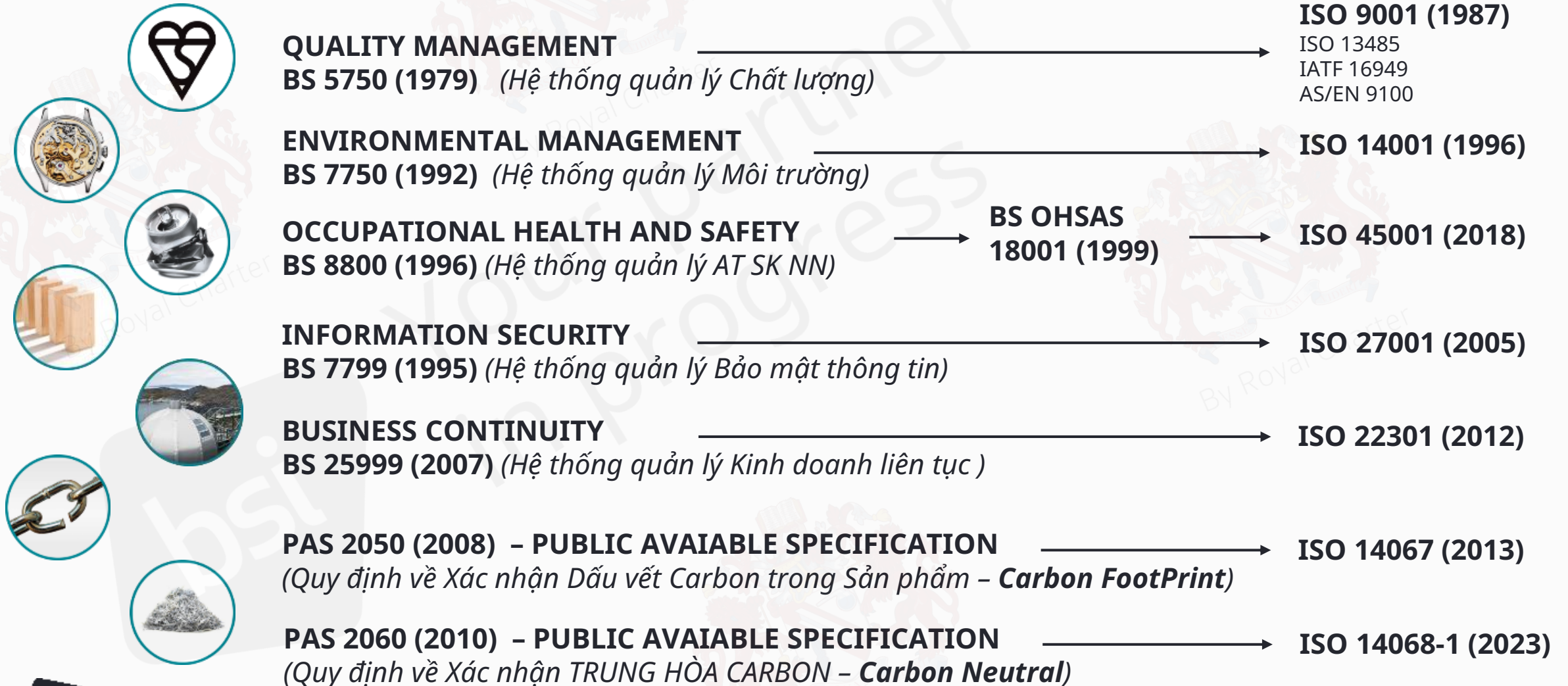


TRAINING PARTNER

2024



Your Partner on progress – Đối tác đồng hành



Your Partner on progress – Đối tác đồng hành



Chia sẻ Tri thức

- Xây dựng và chia sẻ tiêu chuẩn
- Chuyển giao thông tin
- Đào tạo



Dịch vụ Chứng nhận Đảm bảo

- Chứng nhận hệ thống
- Chứng nhận sản phẩm
- Chứng nhận năng lực



Dịch vụ Quản lý

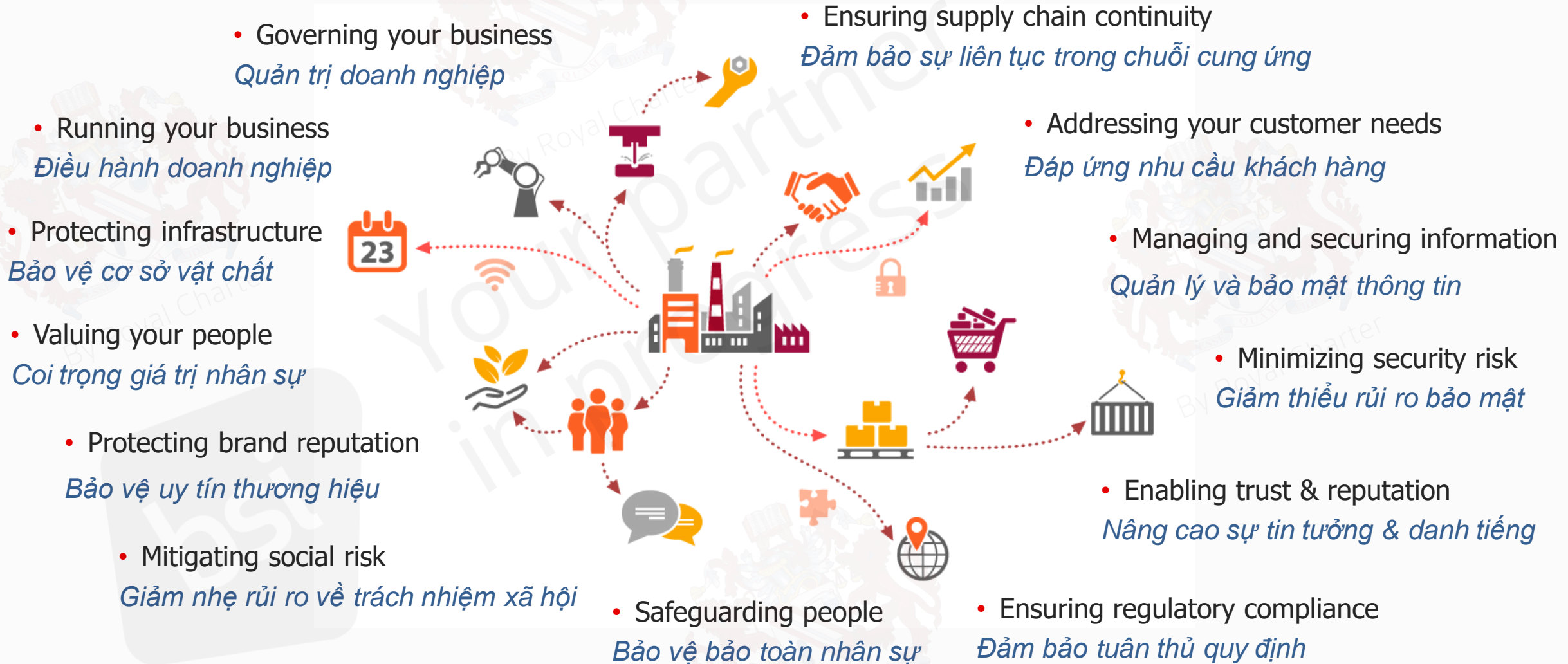
- Chứng nhận hệ thống và sản phẩm của các sản phẩm đặc thù (ví dụ : y tế..)



Các dịch vụ Chuyên môn

- Đánh giá
- Hướng dẫn
- Thực hiện áp dụng
- Cải tiến liên tục

Your Partner on progress – Đối tác đồng hành





1

Tổng quan Phát triển bền vững

Chương trình Phát triển bền vững

Your Partner on progress – Đối tác đồng hành



UNITED NATIONS
SUSTAINABLE
DEVELOPMENT
GROUP



● **1987** Phát triển bền vững

● **2000** Mục tiêu thiên niên kỷ
Millennium Development Goals – MDGs

● **2015** Mục tiêu phát triển bền vững
Sustainability Development Goals – SDGs

“sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại và đồng thời không ảnh hưởng đến khả năng thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của chính họ”

Your Partner on progress – Đối tác đồng hành



ESG



Quản lý môi trường

Giảm thiểu biến đổi khí hậu,
Đa dạng sinh học,
Quản lý hiệu quả sử dụng nước,
Quản lý hiệu quả sử dụng năng lượng,



Quản lý trách nhiệm xã hội

Cơ hội công bằng,
Quyền tự do lập hội,
Sức khỏe và an toàn,
Quyền con người,
Trách nhiệm với sản phẩm và khách hàng,
Không sử dụng lao động trẻ em



Quản trị

Đạo đức doanh nghiệp,
Tuân thủ pháp lý,
Hội đồng quản trị độc lập,
Thù lao điều hành,
Quyền lợi của cổ đông



Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu

Sustainable Development Goal

3

Sức khỏe và có cuộc sống tốt

Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho mọi lứa tuổi



Các tổ chức


ILO Tổ chức Lao động Quốc tế	IOM Tổ chức Di cư Quốc tế	UNAIDS Chương trình Phối hợp của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS	UNDP Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc	UNESCO Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
UNFPA Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc	UNICEF Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc	UNODC Văn phòng Liên Hợp Quốc về Phòng chống Ma túy và Tội phạm	WHO Tổ chức Y tế Thế giới	

Sustainable Development Goal

5

Bình đẳng giới

Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái



Các tổ chức

ILO Tổ chức Lao động Quốc tế	UNAIDS Chương trình Phối hợp của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS	UNDP Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc	UNFPA Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc	UNICEF Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
UNODC Văn phòng Liên Hợp Quốc về Phòng chống Ma túy và Tội phạm	WHO Tổ chức Y tế Thế giới			

Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu

7

Goal 7


Ensure access to affordable, reliable, sustainable and modern energy for all.

5 Targets	29 Events
43 Publications	895 Actions

[More info](#)



Related Topics



Energy

Related Goals

7

OVERVIEW **TARGETS AND INDICATORS** **PROGRESS AND INFO**

OVERVIEW

Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu

7
Goal 7
Ensure access to affordable, reliable, sustainable and modern energy for all.

5 Targets
43 Publications

29 Events
895 Actions

[More info](#)

7 SUSTAINABLE ENERGY

ENSURE ACCESS TO AFFORDABLE, RELIABLE, SUSTAINABLE AND MODERN ENERGY FOR ALL

IMPRESSIVE PROGRESS IN ELECTRIFICATION HAS SLOWED

PROGRESS IN ENERGY EFFICIENCY NEEDS TO SPEED UP TO ACHIEVE GLOBAL CLIMATE GOALS

2020: GLOBE RECEIVED 97 PROPOSED AID

1.9% OF GDP
WORLD AVERAGE

3.2% OF GDP
CURRENT LEVEL

DUE TO THE CHALLENGE OF REACHING THOSE HARDEST TO REACH

NUMBER OF PEOPLE WITHOUT ELECTRICITY

Year	Number of people without electricity
2010	1.2 billion
2020	733 million
2030 (TRENDS ON CURRENT TRENDS)	679 million

INTERNATIONAL FINANCIAL FLOWS TO DEVELOPING COUNTRIES FOR RENEWABLES DECLINED FOR A SECOND YEAR IN A ROW

Year	International financial flows to developing countries for renewables (Billion USD)
2017	\$24.7
2018	\$14.3
2019	\$10.8

TOTAL RENEWABLE ENERGY CONSUMPTION INCREASED BY A QUARTER BETWEEN 2010 AND 2019, BUT THE SHARE OF RENEWABLES IN TOTAL FINAL ENERGY CONSUMPTION IS ONLY 17.7% (2019)

Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu



SDG Dashboards and Trends

Click on a goal to view more information.



Dashboards: ● SDG achieved ● Challenges remain ● Significant challenges remain ● Major challenges remain ● Information unavailable

Trends: → On track or maintaining SDG achievement → Moderately improving → Stagnating ↓ Decreasing ● Trend information unavailable



<https://sdgs.un.org/goals>

<https://vietnam.un.org/vi/sdgs>

Xu hướng kinh doanh bền vững



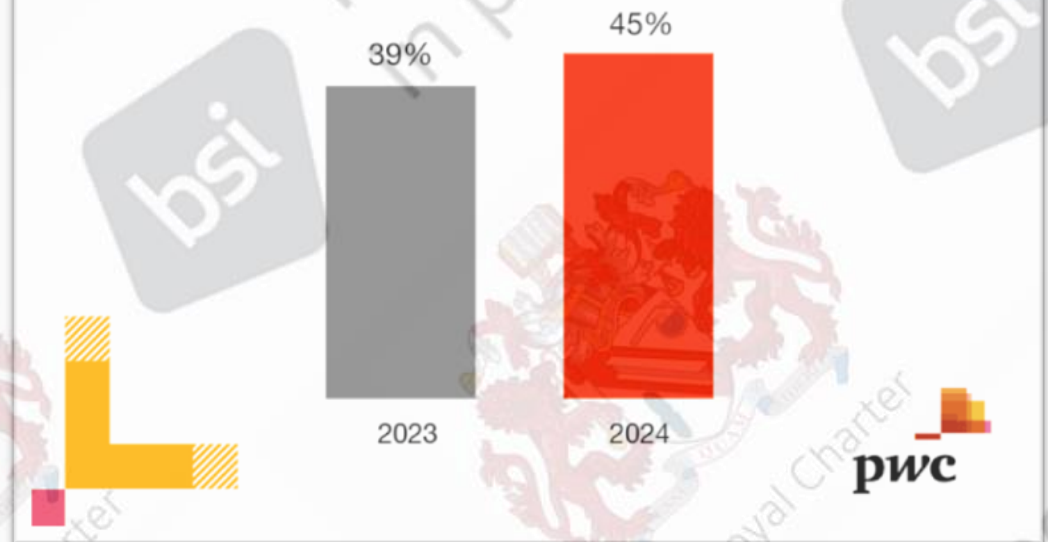
- Tăng trưởng kinh tế
- Thúc đẩy phát triển công nghệ
- Đảm bảo đời sống vật chất tinh thần
- Biến đổi khí hậu
- Chính trị bất ổn
- Bất bình đẳng
- Đói nghèo
- An ninh lương thực
- An ninh nhiên liệu - năng lượng
-



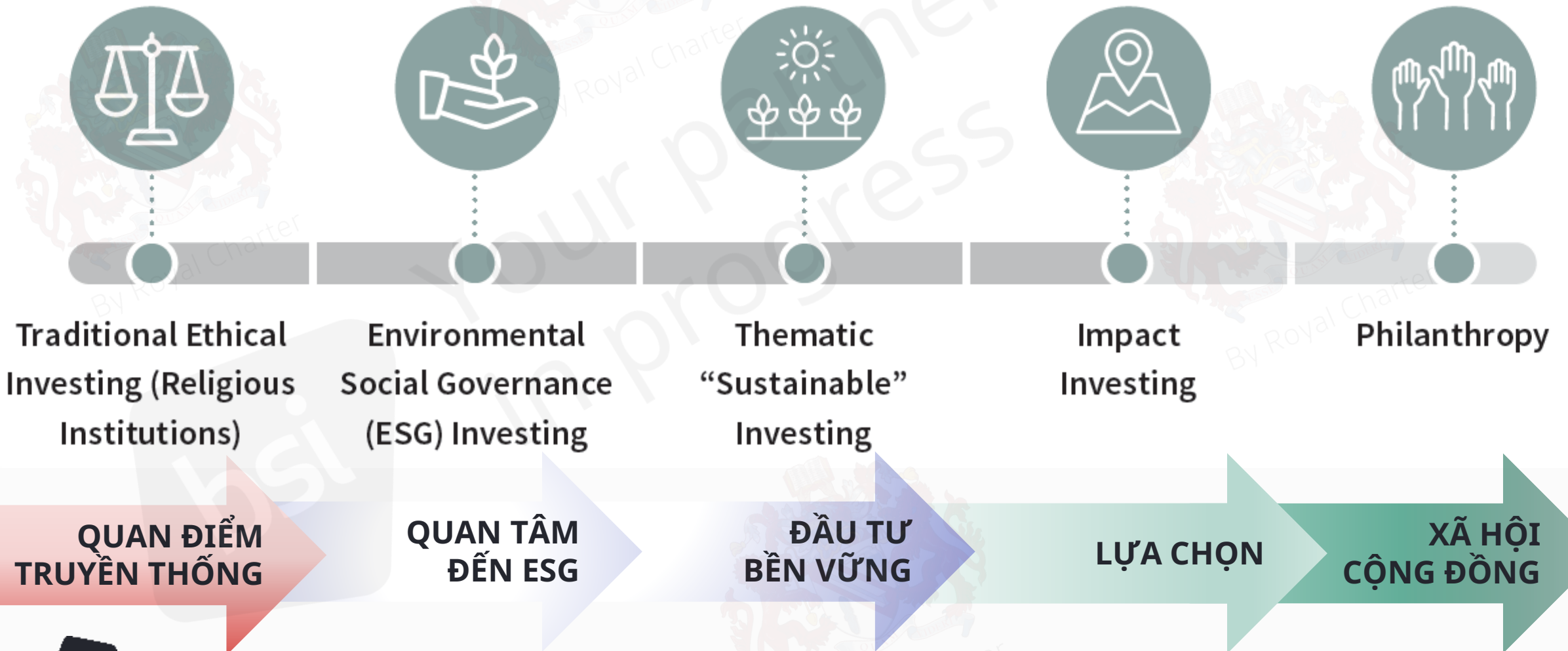
27th Annual Global CEO Survey

The imperative for change is accelerating.

45% of CEOs are not confident that their companies would survive more than a decade on their current path, up from 39% in 2023.



Xu hướng kinh doanh bền vững



bsi

2

Báo cáo Phát triển bền vững

Khuôn khổ báo cáo phát
triển bền vững

*Sustainable
Development*



Báo cáo phát triển bền vững – Báo cáo ESG

- Thông tin về Phát triển bền vững của tổ chức
- Căn cứ và dựa vào các khuôn khổ nền tảng về Môi trường – Xã hội – Quản trị và tài chính
- Có thể xem xét đề cập đến yếu tố kinh doanh của doanh nghiệp
- Tuy nhiên có sự khác biệt về QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI và CÔNG BỐ



Báo cáo ESG

- Theo khuôn khổ chuẩn mực báo cáo được yêu cầu
- Công bố về việc thực hiện và kết quả hoạt động phát triển bền vững
- Thông tin kết quả hoạt động môi trường và xã hội, bên cạnh những thông tin về quản trị của tổ chức
- Đi song hành cùng Báo cáo Tài chính theo thông lệ
- Công bố thông tin minh bạch về tổ chức
- Cung cấp cho các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng ...)
- Là yếu tố quan trọng hỗ trợ các bên liên quan ra quyết định



Yêu cầu hiện tại của Việt nam

- Các Quy định hiện hành về Môi trường – An toàn và Xã hội – Đầu tư và Kinh doanh
- Của các Tổ chức liên quan
- Quy định của Bộ tài chính (**Thông tư 96/2020/TT-BTC**)

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

TÊN CÔNG TY COMPANY'S NAME _____	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
--	--

Số:...../BC- _____
..... ngày... tháng..... năm.....

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption: |

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption (water consumption of business activities in the year)

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC.

Chương trình đánh giá các Công bố bền vững



VCCI Liên kết doanh nhân Việt vbcSD

CSI 100
DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2024

Giới thiệu Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam 2024

Chương trình Tư vấn của IFC tại Đông A - Thái Bình Dương

**HƯỚNG DẪN
LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Hợp tác với: 



TOP 50 CORPORATE SUSTAINABILITY AWARDS

CHƯƠNG TRÌNH ▾ HẠNG MỤC ▾ HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN ▾ HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ▾ TOP50 ▾ ENGLISH

GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023

CORPORATE SUSTAINABILITY AWARDS



© 2023 BSI. All rights reserved. 22

Các khuôn khổ báo cáo

Các tiêu chuẩn, yêu cầu và khuôn khổ trên hỗ trợ cả **Báo cáo bền vững** và **báo cáo ESG**

- Global Reporting Initiative (**GRI** - Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu),
- Carbon Disclosure Project (**CDP** – hay còn gọi là 'Dự án Công bố Carbon'),
- Climate Disclosure Standards Board (**CDSB** – Ủy ban Tiêu chuẩn Công bố Khí hậu),
- Sustainability Accounting Standards Board (**SASB** - Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững),
- Science-Based Targets Initiative (**SBTi** - Sáng kiến Mục tiêu Dựa trên Khoa học)
- Task Force on Climate-related Financial Disclosures (**TCFD** - Lực lượng đặc nhiệm về công khai tài chính liên quan đến khí hậu),
- International Sustainability Standards Board (**ISSB** - Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế)
- International Organization for Standardization (**ISO** - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế),
- UN Sustainable Development Goals (**SDGs** - Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc)
- UN Principles for Responsible Investment (**PRI** - Nguyên tắc của Liên Hợp Quốc về đầu tư có trách nhiệm), ...

Các khuôn khổ báo cáo



**GLOBAL
SUSTAINABILITY
STANDARDS**



**Organization for
Economic Co-
operation and
Development**

TCFD

TASK FORCE ON
CLIMATE-RELATED
FINANCIAL
DISCLOSURES



SUSTAINABILITY
DISCLOSURE
DATABASE



**SASB
STANDARDS**

Now part of IFRS Foundation

**S&P Global
Ratings**



Cơ chế hoạt động



3

Thực hành ESG



MSCI ESG Score

Environmental pillar

Social pillar

Governance pillar

Climate change

Natural resources

Pollution & waste

Environment opportunity

Human Capital

Product liability

Stakeholder opposition

Social opportunity

Corporate governance

Corporate behaviour

Carbon emissions

Water stress

Toxic emission & waste

Opportunities in clean tech

Labour management

Product safety & quality

Controversial sourcing

Access to communication

Board diversity

Business ethics

Product carbon footprint

Biodiversity & land use

Packaging material & waste

Opportunities in green building

Health & safety

Chemical safety

Access to finance

Executive pay

Anti-competitive practices

Financing environmental impact

Raw material sourcing

Electronic waste

Opportunities in renewable energy

Human capital development

Financial product safety

Access to health care

Ownership

Corruption & instability

Climate change vulnerability

Supply chain labor standards

Privacy & data security

Opportunities in nutrition & health

Accounting

Financial system instability

Responsible investment

Tax transparency



MÔI TRƯỜNG

Khí hậu

Phát thải carbon

Tính bền vững của các tài sản vật chất

Ô nhiễm

Không khí

Nước

Đất

Khác

Rác thải

Đóng gói

Điện tử

Nguy hại

Nước thải

Khác

Sử dụng tài nguyên

Thiếu nước

Quản lý năng lượng

Đa dạng sinh học và sử dụng đất

Khác



XÃ HỘI

Người lao động

Phúc lợi và nhu cầu cơ bản

Đa dạng và Bao trùm

Tuyển dụng và thăng tiến

Kinh nghiệm của người lao động

Khách hàng

Chất lượng và an toàn sản phẩm

Thông lệ bán hàng

Quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu

Mô hình kinh doanh

Vận hành bền vững

Quản lý vòng đời và thiết kế sản phẩm

Quản lý chuỗi cung ứng

Khả năng tiếp cận

Đầu tư vào cộng đồng



QUẢN TRỊ

Thông lệ kinh doanh

Đạo đức

Hành vi cạnh tranh

Công khai và Minh bạch

Thuế

Kế toán và Kiểm toán nội bộ

Năng lực lãnh đạo

Hồ sơ của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Chế độ lương thưởng của Ban quản trị/ Ban quản lý

Mục đích và giá trị

Rủi ro và cơ hội

Quyền sở hữu và Kế thừa

Yếu tố Môi trường trong ESG



Nội dung:

Khí hậu

Phát thải carbon

Tính bền vững của các tài sản vật chất

Ô nhiễm

Không khí

Nước

Đất

Khác

Rác thải

Đóng gói

Điện tử

Nguy hại

Nước thải

Khác

Sử dụng tài nguyên

Thiếu nước

Quản lý năng lượng

Đa dạng sinh học và sử dụng đất

Khác

Có thể có các chương trình thực hiện cụ thể nhằm đáp ứng các Nội dung

- Kiểm kê Khí nhà kính – Trung hòa carbon – Net Zero (ISO 14064)
- Nghiên cứu vòng đời sản phẩm – Ứng dụng kinh tế tuần hoàn (ISO 14067)
- Đáp ứng các chuẩn mực yêu cầu Luật định về Khí thải – Nước thải – Rác thải
- Cải tiến nâng cao kết quả hoạt động môi trường (ISO 14001)
- Kiểm soát Dòng chất thải tương ứng với từng loại rác thải (RGS)
- Quản lý Sử dụng nước (ISO 46001 – ISO 14046)
- Quản lý Năng lượng (ISO 50001)
- Tăng cường Ứng dụng kinh tế tuần hoàn (ISO 59010)
-

Yếu tố Xã hội trong ESG



Người lao động

Phúc lợi và nhu cầu cơ bản

Đa dạng và Bao trùm

Tuyển dụng và thăng tiến

Kinh nghiệm của người lao động

Khách hàng

Chất lượng và an toàn sản phẩm

Thông lệ bán hàng

Quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu

Mô hình kinh doanh

Vận hành bền vững

Quản lý vòng đời và thiết kế sản phẩm

Quản lý chuỗi cung ứng

Khả năng tiếp cận

Đầu tư vào cộng đồng

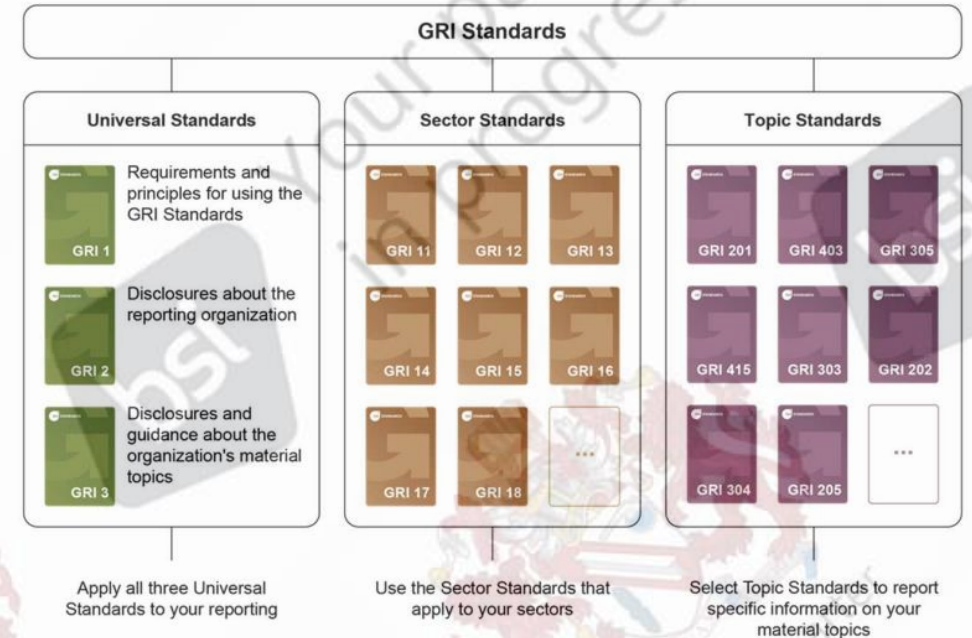
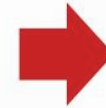
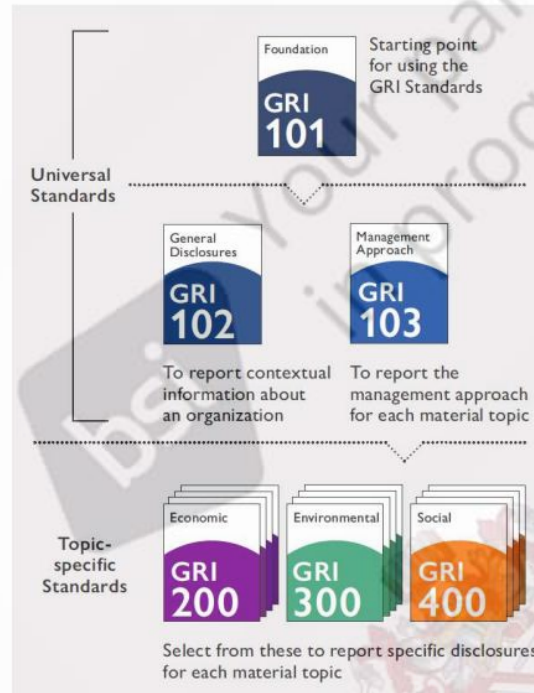
Hỗ trợ thực hành Xã hội trong ESG

- **ISO 9001:2015** - Quality Management Systems
- **ISO 10001:2018** - Customer Satisfaction - Guidelines for Codes of Conduct for Organizations
- **ISO/IEC 27001:2013** - Information Security Management Systems
- **ISO/IEC 27701:2019** - Privacy Information Management Systems
- **ISO 22301:2019** - Security and Resilience - Business Continuity Management Systems
- **ISO 14001:2015** - Environmental Management Systems
- **ISO 28000:2007** - Specification for Security Management Systems for the Supply Chain
- **ISO 26000:2010** - Guidance on Social Responsibility
- **ISO 45001:2018** - Occupational Health and Safety Management Systems
- **SA8000** - Social Accountability
- **ISO 26000** - Guidance on Social Responsibility
- **ISO 22000:2018** - Food Safety Management Systems
-

GRI – Tiêu chuẩn Sáng kiến toàn cầu

<https://www.globalreporting.org/how-to-use-the-gri-standards/gri-standards-english-language/>

GRI Standards 2016 VS GRI Standards 2021



GRI – Tiêu chuẩn Sáng kiến toàn cầu

<https://www.globalreporting.org/how-to-use-the-gri-standards/gri-standards-english-language/>



GRI 1: Foundation 2021

GRI 2: General Disclosures 2021

GRI 3: Material Topics 2021

GRI 11: Oil and Gas Sector 2021

GRI 12: Coal Sector 2022

GRI 13: Agriculture Aquaculture and Fishing Sectors 2021

GRI 201: Economic Performance 2016

GRI 202: Market Presence 2016

GRI 203: Indirect Economic Impacts 2016

GRI 204: Procurement Practices 2016

GRI 205: Anti-corruption 2016

GRI 206: Anti-competitive Behavior 2016

GRI 207: Tax 2019

GRI 301: Materials 2016

GRI 302: Energy 2016

GRI 303: Water and Effluents 2018

GRI 304: Biodiversity 2016

GRI 305: Emissions 2016

GRI 306: Effluents and Waste 2016

GRI 306: Waste 2020

GRI 308: Supplier Environmental Assessment 2016

GRI 401: Employment 2016

GRI 402: Labor/Management Relations 2016

GRI 403: Occupational Health and Safety 2018

GRI 404: Training and Education 2016

GRI 405: Diversity and Equal Opportunity 2016

GRI 406: Non-discrimination 2016

GRI 407: Freedom of Association and Collective Bargaining 2016

GRI 408: Child Labor 2016

GRI 409: Forced or Compulsory Labor 2016

GRI 410: Security Practices 2016

GRI 411: Rights of Indigenous Peoples 2016

GRI 413: Local Communities 2016

GRI 414: Supplier Social Assessment 2016

GRI 415: Public Policy 2016

GRI 416: Customer Health and Safety 2016

GRI 417: Marketing and Labeling 2016

GRI 418: Customer Privacy 2016



GRI – Tiêu chuẩn Sáng kiến toàn cầu

<https://www.globalreporting.org/how-to-use-the-gri-standards/gri-standards-english-language/>



Công bố thông tin 406-1

Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện

Yêu cầu báo cáo

Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo những thông tin sau đây:

- a. Tổng số vụ việc phân biệt đối xử trong kỳ báo cáo.
- b. Tình trạng của các vụ việc đó và những hành động đã thực hiện, có tham chiếu đến những khía cạnh sau đây:
 - i. Vụ việc được tổ chức xem xét;
 - ii. Các kế hoạch khắc phục đang được thực thi;
 - iii. Các kế hoạch khắc phục đã được thực thi, kết quả đã được rà soát thông qua quy trình rà soát quản lý nội bộ theo lệ thường;
 - iv. Vụ việc không còn cần phải thực hiện thêm hành động nào nữa.

Công bố
Thông tin
406-1

- 2.1 Khi biên soạn thông tin nêu trong công bố thông tin 406-1, tổ chức báo cáo cần phải bao gồm những vụ việc phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội như đã được ILO xác định, hoặc những hình thức phân biệt đối xử liên quan khác có sự liên đới của các bên liên quan nội bộ và/hoặc bên ngoài trong toàn bộ các hoạt động trong kỳ báo cáo.

GRI – Tiêu chuẩn Sáng kiến toàn cầu

<https://www.globalreporting.org/how-to-use-the-gri-standards/gri-standards-english-language/>



Công bố
Thông tin
416-2

Công bố Thông tin 416-2

Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ

Yêu cầu báo cáo

Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo những thông tin sau đây:

- a. Tổng số vụ việc không tuân thủ các quy định và/hoặc bộ luật tự nguyện về các tác động sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong kỳ báo cáo, theo:
 - i. các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt;
 - ii. các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo;
 - iii. các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện.
- b. Nếu tổ chức chưa xác định được bất kỳ hành vi không tuân thủ quy định và/hoặc bộ luật tự nguyện nào, thì chỉ cần báo cáo tóm tắt về thực tế này là đủ.

2.1 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố Thông tin 416-2, tổ chức báo cáo cần phải:

- 2.1.1 loại trừ những vụ việc không tuân thủ mà tổ chức đã được xác định là không có lỗi;
- 2.1.2 loại trừ những vụ việc không tuân thủ liên quan đến nhãn hiệu. Các vụ việc liên quan đến nhãn hiệu được báo cáo trong **Công bố thông tin 417-2** của *GRI 417: Tiếp thị và Nhãn hiệu*;
- 2.1.3 xác định tổng số các vụ việc không tuân thủ liên quan đến các sự kiện trong các kỳ trước kỳ báo cáo, nếu áp dụng.

Chuẩn mực đánh giá Doanh nghiệp bền vững CSI



**BỘ CHỈ SỐ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2024
(BỘ CHỈ SỐ CSI 2024)**



I. Giới thiệu về bộ chỉ số CSI 2024

Bộ chỉ số CSI 2024 được cập nhật, điều chỉnh theo các yêu cầu tuân thủ của các chính sách, pháp luật Việt Nam năm 2024 và các yêu cầu báo cáo phát triển bền vững, đồng thời tích hợp yêu cầu các yếu tố môi trường – xã hội và quản trị (E-S-G) trong chiến lược, phân bổ nguồn lực; lập, triển khai kế hoạch hành động cũng như ghi chép, lưu trữ các số liệu thực hiện. Bộ chỉ số CSI 2024 chia làm 2 mục lớn và 6 phần bao gồm:

Mục A: Tổng quan doanh nghiệp

Phần I: Thông tin tổng quan về doanh nghiệp

Phần II: Cơ cấu, mô hình tổ chức và nhân sự chủ chốt

Mục B: Các chỉ số đánh giá và thang điểm

Phần III: Chỉ số kết quả trong 3 năm 2021-2023 (Chỉ số **I** - Indicator)

Phần IV: Chỉ số quản trị (Chỉ số **G** – Governance)

Phần V: Chỉ số môi trường (Chỉ số **E** - Environment)

Phần VI: Chỉ số lao động – xã hội (Chỉ số **L&S** – Labor and Social)

Bộ chỉ số CSI 2024 bao gồm 153 chỉ số, trong đó các chỉ số được chia ra hai cấp độ là cơ bản – các chỉ số C (Core) và nâng cao - các chỉ số A (Advance).

Bộ chỉ số CSI 2024 có 95 chỉ số cơ bản (C) và 58 chỉ số nâng cao (A).

Chuẩn mực đánh giá Doanh nghiệp bền vững CSI



PHẦN VI - CHỈ SỐ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI (CÁC CHỈ SỐ L VÀ S)

CÁC CHỈ SỐ LAO ĐỘNG - XÃ HỘI			Thực hiện tại DN			Tài liệu chứng minh	Điểm tối đa	Ghi chú
			Có	Không	Không xảy ra trong kỳ đánh giá			
QUẢN LÝ NHÂN SỰ								
L 1	C	Tuân thủ nội dung, nguyên tắc, thẩm quyền khi giao kết, thực hiện các loại hợp đồng lao động					2,5	
L 2	C	Xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động					2,5	
L 3	C	Đảm bảo nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động					2,5	
L 4	C	Lập sổ quản lý lao động theo quy định					2,5	
L 5	C	Tuân thủ quy định chấm dứt hợp đồng lao động					2,5	
L 6	C	Báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động theo quy định					2,5	
LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM BẮT BUỘC								
L 7	C	Xây dựng và công khai thang lương, bảng lương và định mức lao động tại nơi làm việc					5	
L 8	A	Xây dựng quy chế trả lương cho người lao động					3	
L 9	C	Trả đúng hạn, đủ và thông báo bảng kê tiền lương, tiền lương làm thêm giờ của người lao động					5	
L 10	A	Xây dựng và thực hiện quy chế thưởng đối với người lao động					3	

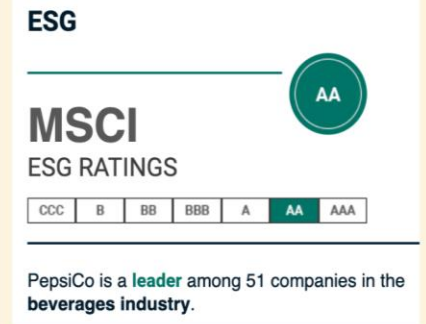
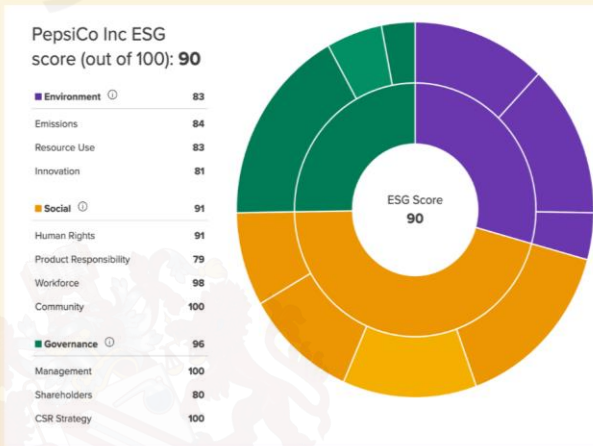
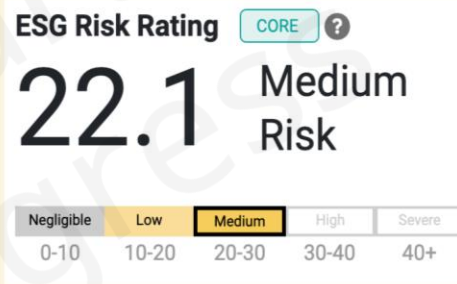


Đánh giá xếp hạng báo cáo



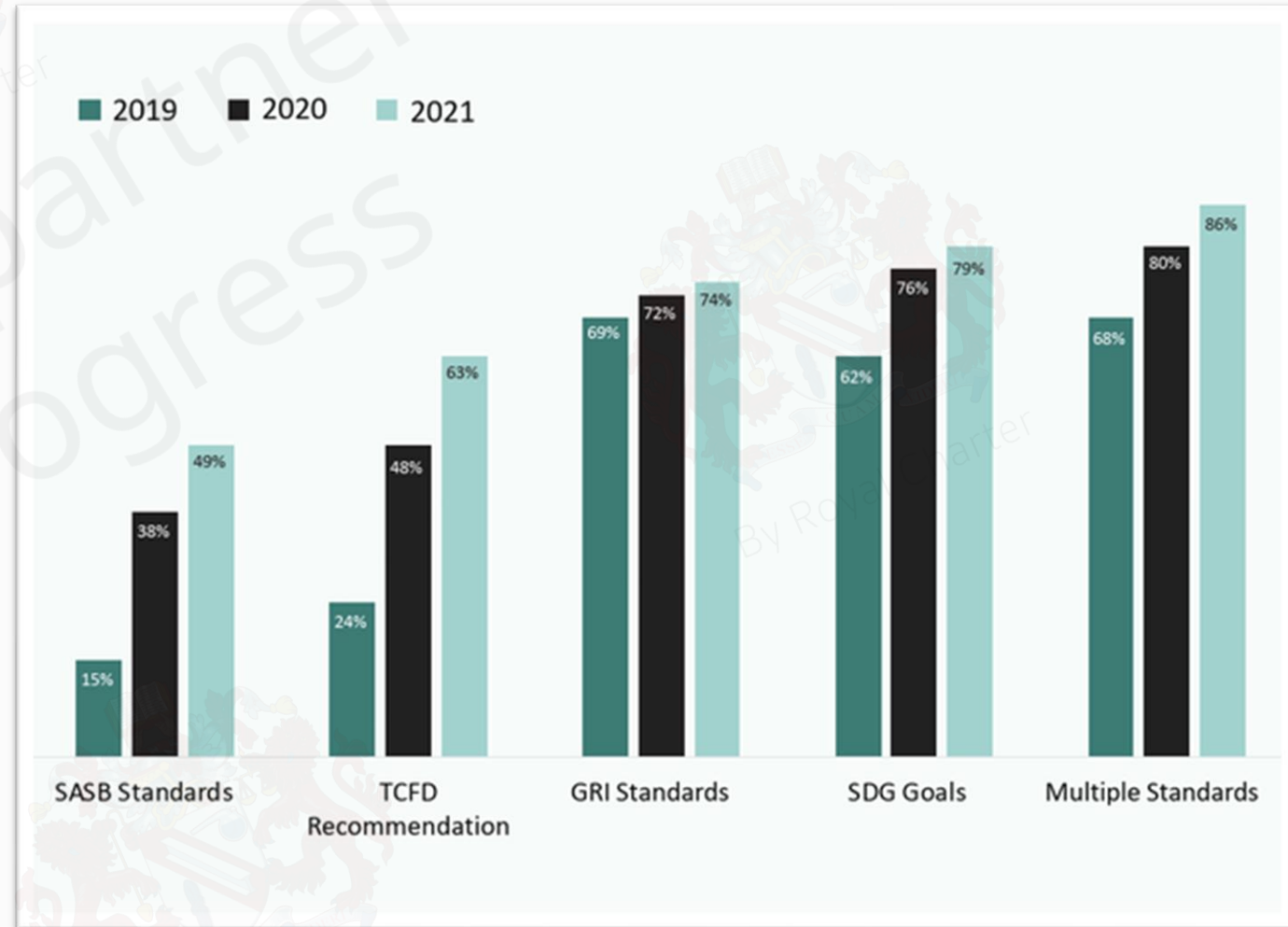
ESG RATING

An ESG rating measures a company's exposure to long-term **environmental, social, and governance** risks.



Xu hướng Báo cáo phát triển bền vững

Khảo sát của IFAC (*International Federation of Accountants*), AICPA và CIMA (*Certified Professional Accountants (the Association)*) combines the strengths of the American Institute of CPAs (AICPA) and the Chartered Institute of Management Accountants (CIMA) về công bố và đảm bảo thông tin phát triển bền vững phát hành đầu năm 2023, số lượng các công ty sử dụng hoặc tham khảo nhiều hơn một bộ tiêu chuẩn/khung báo cáo phát triển bền vững tăng từ 68% vào năm 2020 lên 85% vào năm 2021.





Xu hướng thực hành Báo cáo phát triển bền vững



Cam kết cho lộ trình Phát triển bền vững



SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS



Các Tiêu chuẩn Quốc tế liên quan đến Xã hội hỗ trợ mạnh mẽ cho Thực hành phát triển bền vững



- ISO 9001:2015 - Quality Management Systems
- ISO 10001:2018 - Customer Satisfaction - Guidelines for Codes of Conduct for Organizations
- ISO/IEC 27001:2013 - Information Security Management Systems
- **ISO/IEC 27701:2019 - Privacy Information Management Systems**
- **ISO 22301:2019 - Security and Resilience - Business Continuity Management Systems**
- ISO 14001:2015 - Environmental Management Systems
- **ISO 28000:2007 - Specification for Security Management Systems for the Supply Chain**
- **ISO 26000:2010 - Guidance on Social Responsibility**
- ISO 45001:2018 - Occupational Health and Safety Management Systems
- SA 8000 - Social Accountability
- **ISO 26000 - Guidance on Social Responsibility**
- **ISO 22000:2018 - Food Safety Management Systems**
- **ISO 20400:2017 - Sustainable procurement — Guidance**

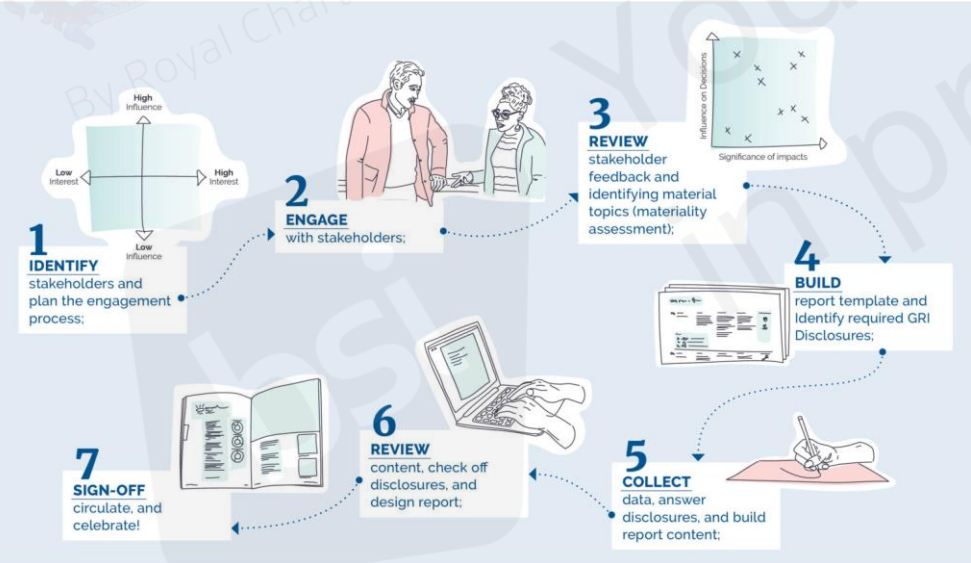


Đẩy mạnh hiểu biết về GRI tại Việt nam



TRAINING PARTNER

2024



Certified Training Partner

GRI is pleased to announce that
BSI Vietnam Co., Ltd, Vietnam
Is a GRI Certified Training Partner in Asia Pacific

Paul Broekhof
Head of Training and Certification - GRI



Dịch vụ kiểm tra xác nhận Báo cáo ESG



AccountAbility

Setting the Standard for Sustainability



Final Pronouncement
December 2013

International Standard on Assurance Engagements

ISAE 3000 (Revised),
Assurance Engagements Other than Audits or Reviews of
Historical Financial Information

International Framework for
Assurance Engagements

and

Related Conforming
Amendments

IAASB International Auditing and Assurance Standards Board™

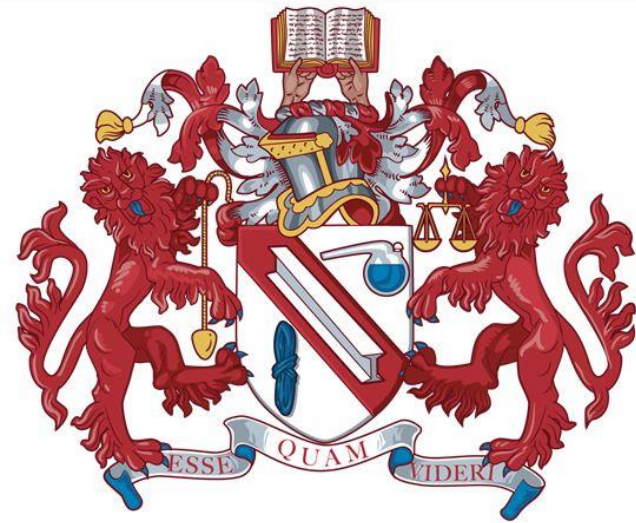


***SUSTAINABLE
FUTURE***



Một hành trình lâu dài ổn định, với sự cam kết mạnh mẽ

“your Partner in progress



By Royal Charter